

Số: KH1N-02/17h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN NĂM
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**
(Từ tháng 8 năm 2026 đến tháng 7 năm 2027)

1. Phân tích, đánh giá khí hậu nổi bật từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2026 trên phạm vi cả nước

1.1. Phân tích, đánh giá các hiện tượng khí hậu cực đoan

1.1.1. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ)

Từ tháng 01 đến nửa đầu tháng 7/2026, trên khu vực Biển Đông đã có 01 áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) vào tháng 6 và 01 cơn bão vào tháng 7/2026 (Hình 1). Trong đó, các XTNĐ đều hình thành trên khu vực Biển Đông và cơn bão số 1 đã ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta (tên quốc tế MAYSACK). Cụ thể: Sáng ngày 01/7, vùng áp thấp trên vùng biển phía Đông của khu vực Giữa Biển Đông mạnh lên thành ATNĐ với cường độ mạnh cấp 6, giạt cấp 8. Tối ngày 02/7, ATNĐ di chuyển chủ yếu theo hướng Tây, đến đêm mạnh lên thành bão với cường độ cấp 8, giạt cấp 10. Đêm 03/7, bão số 01 đi vào vùng biển phía Đông của khu vực Bắc vịnh Bắc Bộ và đến tối ngày 04/7, bão số 01 đi vào khu vực Móng Cái tỉnh Quảng Ninh với cường độ mạnh cấp 8-9, giạt cấp 12, đã gây ra mưa diện rộng cho khu vực phía Đông Bắc Bộ, đặc biệt là khu vực Quảng Ninh đã có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to. Trưa ngày 05/7, sau khi bão đi sâu vào đất liền khu vực phía Nam tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) đã suy yếu thành ATNĐ sau đó tiếp tục di chuyển theo hướng Đông Bắc và suy yếu dần thành một vùng áp thấp và tan dần.



a)



b)

Hình 1: (a) Quỹ đạo ATNĐ tháng 6, (b) Quỹ đạo cơn bão số 1

1.1.2. Mưa diện rộng:

Từ tháng 01-3/2026, các tỉnh Bắc Bộ chủ yếu xuất hiện mưa nhỏ, mưa phùn; trong khi đó, khu vực Trung Bộ và Nam Bộ xuất hiện một vài đợt mưa rào và dông.

Giai đoạn từ tháng 4/2026 đến nửa đầu tháng 7/2026, mưa có xu hướng gia tăng trên các khu vực, cụ thể: tại Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa đến Huế, khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ đã xuất hiện 03 đợt mưa lớn diện rộng; tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ xảy ra nhiều ngày mưa rào và dông, trong đó có ngày có mưa vừa, mưa to diện rộng.

Đáng chú ý, đợt mưa từ ngày 26/6-06/7, tại khu vực phía Đông Bắc Bộ do ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới kết hợp với hội tụ gió lên đến 5000 mét, sau đó là ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 1, đã gây ra mưa vừa, mưa to diện rộng, có nơi mưa rất to với tổng lượng mưa (TLM) phổ biến từ 150-300mm, đặc biệt TLM tại khu vực Quảng Ninh từ 300-500mm, có nơi trên 800mm (Móng Cái 817,7mm).

Trong giai đoạn từ tháng 01 đến nửa đầu tháng 7/2026, trên cả nước một số trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị tổng lượng mưa ngày và tổng lượng mưa tháng vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng kỳ (*Bảng 1-2, Phụ lục 1*).

1.1.3. Nắng nóng

Trong năm 2026, nắng nóng (NN) xuất hiện sớm hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) ở hầu hết các khu vực trên phạm vi cả nước: Đợt NN đầu tiên xuất hiện vào ngày 16-20/02 tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ, đến đầu tháng 4/2026 NN xuất hiện trên toàn khu vực Nam Bộ và các khu vực khác. Trong giai đoạn từ tháng 02 đến tháng 6/2026, trên phạm vi cả nước đã xảy ra 25 đợt NN (Bắc Bộ xảy ra 09 đợt, Trung Bộ xảy ra 06 đợt, Cao nguyên Trung Bộ xảy ra 02 đợt và Nam Bộ xảy ra 08 đợt), tập trung chủ yếu trong các tháng 3-6/2026; số ngày NN trong thời kỳ này cao hơn so với năm 2025 và TBNN cùng kỳ. Nắng nóng trong năm 2026 diễn ra với cường độ mạnh và thời gian kéo dài, tập trung chủ yếu tại khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ, đáng chú ý, đợt NN từ ngày 23-29/5/2026 với nhiệt độ cao nhất phổ biến từ 36,0-39,0°C, một số nơi vượt 40,0°C; trong đợt NN này, đã ghi nhận 09 trạm khí tượng có nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt GTLS cùng thời kỳ tháng 5. Trong khi đó, tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ, cường độ nắng nóng giảm dần từ giữa tháng 5/2026 khi mùa mưa bắt đầu tại khu vực.

Trong hầu hết các tháng đều quan trắc được giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ (*Bảng 1, Phụ lục 2*).

1.1.4. Không khí lạnh (KKL), rét đậm, rét hại

Trong 6 tháng đầu năm 2026, đã xuất hiện 13 đợt KKL, cụ thể vào các ngày: Đêm 01/01, 05/01, 21/01, 31/01, 08/02, 18/02, 03/3, 09/3, 23/4, đêm 28/4, 03/5, 08/5 và ngày 08/6. Đáng lưu ý, trong tháng 01/2026, do ảnh hưởng của KKL đã gây ra 02 đợt rét đậm, rét hại diện rộng từ ngày 06-10/01/2026 và từ ngày 22-25/01/2026 tại các tỉnh Bắc Bộ, Thanh Hóa và Nghệ An; riêng Lai Châu và Điện Biên trời rét, có nơi rét đậm, rét hại. Trong đó, đợt KKL ngày 21/01/2026, nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối phổ biến từ 8,0-11,0°C, vùng núi từ 5,0-7,0°C, vùng núi cao có nơi giảm xuống dưới 3,0°C như: Mẫu Sơn (Lạng Sơn) xuống mức -0,1°C.

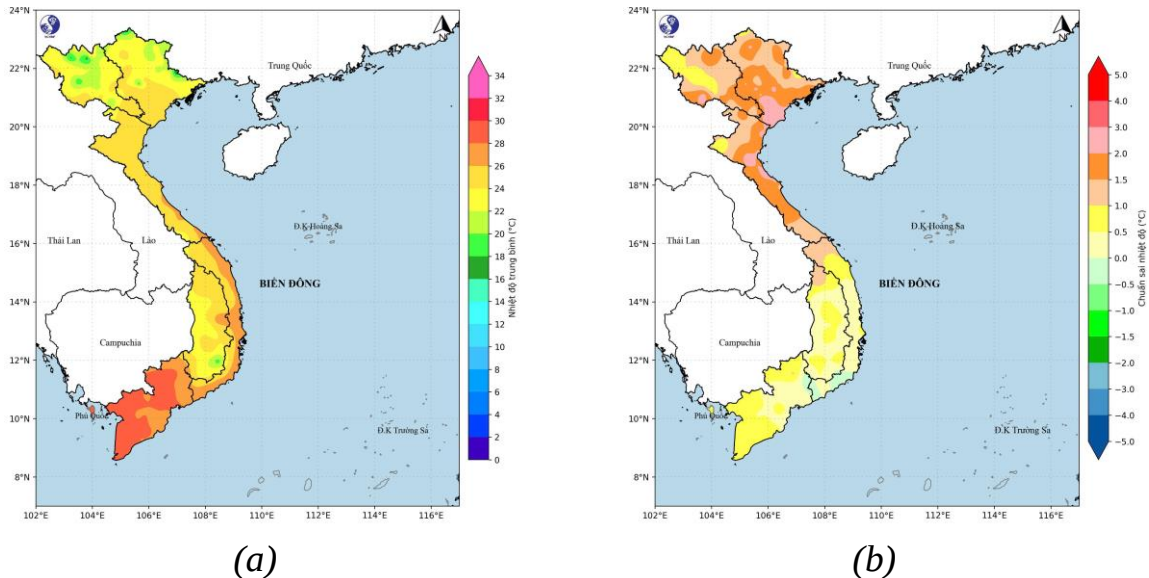
Từ tháng 01 và tháng 4 năm 2026, tại một số trạm khí tượng đã ghi nhận được nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối ngày đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ (*Bảng 2, Phụ lục 2*).

1.2. Phân tích, đánh giá tình hình nhiệt độ, lượng mưa

1.2.1. Nhiệt độ:

Nhiệt độ trung bình (NĐTB) tháng trong cả thời kỳ 6 tháng đầu năm 2026 ở khu vực Bắc Bộ và từ Thanh Hóa-Huế phổ biến cao hơn so với TBNN từ 1,0-2,0°C, có nơi cao hơn; các khu vực khác phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0°C so với TBNN cùng thời kỳ. Trong tháng 01/2026, NĐTB tại khu vực Bắc Bộ và từ Thanh Hóa-Huế phổ biến cao hơn so với TBNN từ 0,5-1,0°C, một số nơi cao hơn; các khu vực còn lại phổ biến thấp hơn từ 0,5-1,0°C so với TBNN cùng kỳ. Trong thời kỳ từ tháng 02-6/2026, trên phạm vi toàn quốc NĐTB phổ biến cao hơn so với TBNN cùng kỳ. Trong đó, từ tháng 02-4/2026, tại khu vực Bắc Bộ và từ Thanh Hóa-Huế, NĐTB phổ biến cao hơn so với TBNN từ 1,5-3,0°C, có nơi cao hơn; các khu vực khác NĐTB phổ biến ở mức xấp xỉ đến cao hơn từ 0,5-1,5°C. Từ tháng 5-6/2026, NĐTB trên cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN từ 0,5-1,5°C, có nơi cao hơn. Đáng chú ý, trong tháng 3 có 25 trạm khí tượng thuộc khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa xảy ra nhiệt độ trung bình tháng đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ tháng 3; trong tháng 4/2026 ghi nhận 7 trạm khí tượng thuộc khu vực Đông Bắc Bộ có nhiệt độ trung bình tháng vượt GTLS cùng thời kỳ tháng 4; trong tháng 6 quan trắc được 36 trạm khí tượng ở các khu vực trên

cả nước xảy ra nhiệt độ trung bình tháng đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ tháng 6 (Bảng 3, Phụ lục 2).

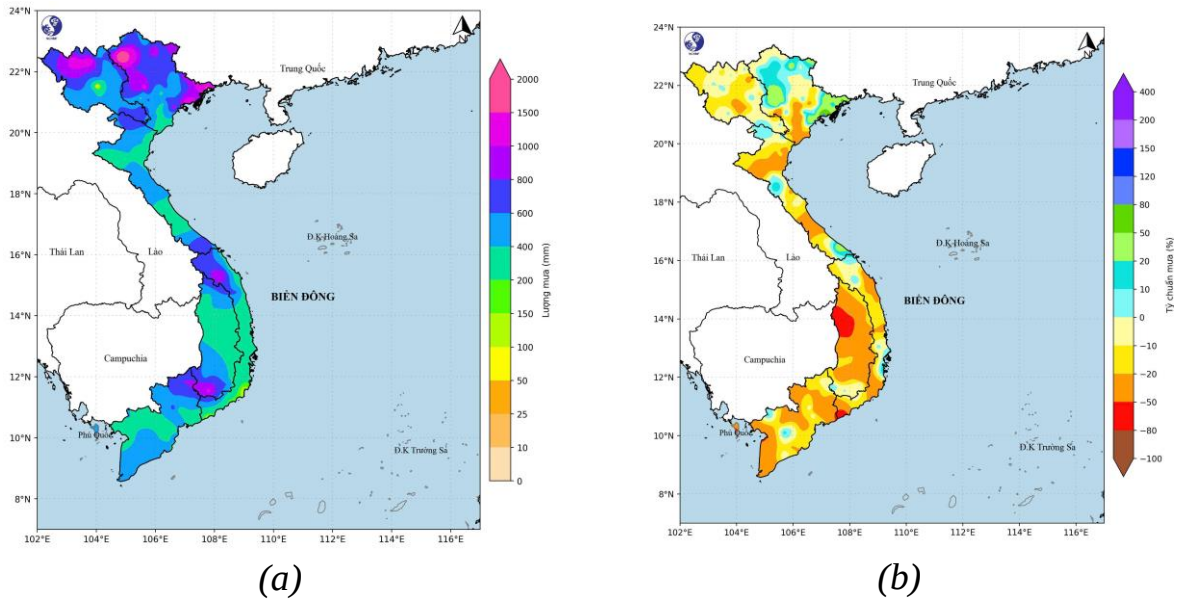


Hình 1: (a) Nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) và (b) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) từ tháng 01-6/2026

1.2.2. Lượng mưa:

Thời kỳ từ tháng 01-6/2026, TLM trên khu vực Bắc Bộ phổ biến từ 500-1000mm, có nơi cao hơn; đặc biệt tại trạm Bắc Quang (Tuyên Quang) đo được 2429mm. Khu vực Trung Bộ và Nam Bộ phổ biến từ 300-600mm, có nơi cao hơn; đặc biệt tại trạm Trà My (Đà Nẵng) quan trắc được 1003mm, tại trạm Bảo Lộc đo được 1071mm. TLM cả thời kỳ 6 tháng đầu năm 2026 trên cả nước có sự phân bố không đồng đều, TLM phổ biến ở mức xấp xỉ đến thấp hơn so với TBNN từ 20-60%; ngoài ra vẫn có trạm khí tượng quan trắc được TLM cao hơn so với TBNN từ 20-50%, điển hình như tại trạm Bãi Cháy (Quảng Ninh) có TLM cao hơn tới 95% so với TBNN cùng thời kỳ.

Đáng lưu ý, trong tháng 5/2026, TLM tại khu vực Bắc Bộ phổ biến cao hơn so với TBNN từ 15-50%; có nơi cao hơn từ 50-100% như khu vực tỉnh Lạng Sơn và Quảng Ninh, đặc biệt tại Quảng Hà (Quảng Ninh) cao hơn 198% so với TBNN, tại Bãi Cháy (Quảng Ninh) cao hơn 190% so với TBNN; ngoài ra cục bộ có nơi TLM thấp hơn từ 20-50% so với TBNN cùng thời kỳ. Các tỉnh từ Thanh Hóa-Hà Tĩnh thấp hơn so với TBNN từ 15-40%, tuy nhiên cục bộ một số nơi cao hơn từ 20-80%, đặc biệt tại Sầm Sơn (Thanh Hóa) cao hơn TBNN đến 149% so với TBNN cùng thời kỳ. Các khu vực khác phổ biến thấp hơn từ 30-90% so với TBNN cùng thời kỳ.



Hình 2: (a) Tổng lượng mưa (mm) và (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) từ tháng 01-6/2026

2. Dự báo xu thế khí hậu từ tháng 8/2026 đến tháng 7 năm 2027

2.1. Hiện tượng ENSO

Hiện tại, ENSO đang trong trạng thái trạng thái El Niño với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực trung tâm Thái Bình Dương (khu vực NINO3.4) trong tuần giữa tháng 7/2026 cao hơn TBNN là $1,3^{\circ}\text{C}$. Dự báo, trong khoảng thời kỳ từ tháng 8-10/2026, hiện tượng ENSO duy trì trong trạng thái El Niño và tiếp tục có xu hướng mạnh dần với xác suất từ mạnh đến rất mạnh đạt 90% (với xác suất 42% đạt cường độ mạnh và 48% đạt cường độ rất mạnh). Trong thời kỳ từ tháng 11/2026-01/2027, hiện tượng El Niño tiếp tục duy trì với xác suất từ mạnh đến rất mạnh đạt 95% (với xác suất 20% đạt cường độ mạnh và 75% đạt cường độ rất mạnh). Ngoài ra, theo dự báo cập nhật mới nhất thời kỳ từ tháng 10-12/2026 có khả năng El Niño có xác suất cao nhất đạt cường độ rất mạnh, với xác suất lên đến 81%.

2.2. Nhận định xu thế khí hậu từ tháng 8/2026-01/2027

2.2.1. Xu thế các hiện tượng khí hậu cực đoan:

- *Không khí lạnh, rét đậm, rét hại*: Có khả năng hoạt động yếu hơn TBNN, tuy nhiên vẫn gây ra các đợt RĐ, RH (tập trung trong tháng 01/2027). Cần đề phòng khả năng xảy ra những đợt RĐ, RH với nhiệt độ thấp nhất giảm mạnh, đặc biệt tại khu vực vùng núi phía Bắc và có thể kèm theo hiện tượng băng giá, mưa tuyết.

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 8/2026-01/2027, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức thấp hơn so với TBNN (TBNN trên Biển Đông: 9,6 cơn, đổ bộ vào đất liền: 3,8 cơn).

- *Nắng nóng*: Tháng 8-9/2026, NN tiếp tục xảy ra và gia tăng hơn về cường độ tại khu vực Thanh Hóa-Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ. Số ngày NN có khả năng xảy ra nhiều hơn TBNN.

- *Mưa vừa, mưa to*: Từ tháng 8 đến tháng 10/2026, các khu vực trên cả nước có khả năng xuất hiện các đợt mưa vừa, mưa to. Từ tháng 11/2026 đến tháng 01/2027, mưa vừa, mưa to có xu hướng tập trung chủ yếu tại khu vực Trung Bộ, đặc biệt trong các tháng 11 và 12/2026.

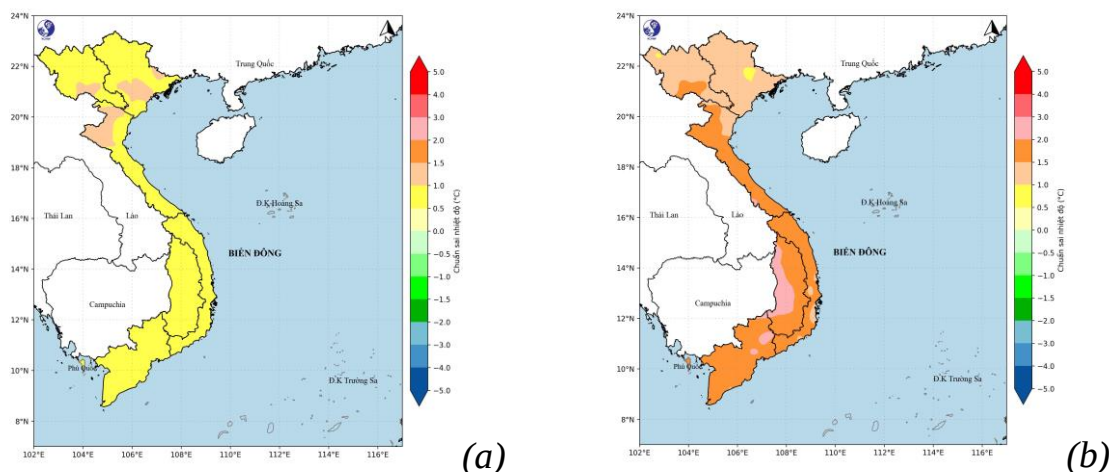
- *Dông, lốc, sét, mưa đá*: Trên phạm vi cả nước có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

- *Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội*:

Trong những tháng nửa cuối năm 2026, đề phòng gió mạnh trên các vùng biển do tác động của bão và ATNĐ, gió mùa Tây Nam và không khí lạnh trong các tháng cuối năm 2026 đến đầu năm 2027. Trên đất liền các đợt mưa lớn tập trung nhiều hơn tại khu vực Bắc Bộ trong thời kỳ tháng 8-9/2026 và tại Trung Bộ trong thời kỳ tháng 10-11/2026 có thể gây ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất và dân sinh. Ngoài ra, trên phạm vi toàn quốc đề phòng các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá trong thời kỳ chuyển mùa từ mùa nóng sang mùa lạnh.

2.2.2. Xu thế nhiệt độ:

Từ tháng 8-10/2026, NĐTĐB trên phạm vi toàn quốc phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0°C so với TBNN, một số nơi ở Bắc Bộ và Thanh Hóa-Nghệ An cao hơn từ 1,0-1,5°C so với TBNN cùng thời kỳ. Từ tháng 11/2026-01/2027, NĐTĐB ở Bắc Bộ và Thanh Hóa cao hơn từ 1,0-1,5°C so với TBNN; các nơi khác cao hơn từ 1,5-2,0°C, riêng Cao nguyên Trung bộ có nơi cao hơn từ 2,0-2,5°C so với TBNN cùng thời kỳ.



Hình 3: (a) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$) từ tháng 8-10/2026 và (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$) từ tháng 11/2026-01/2027

2.2.3. Xu thế lượng mưa:

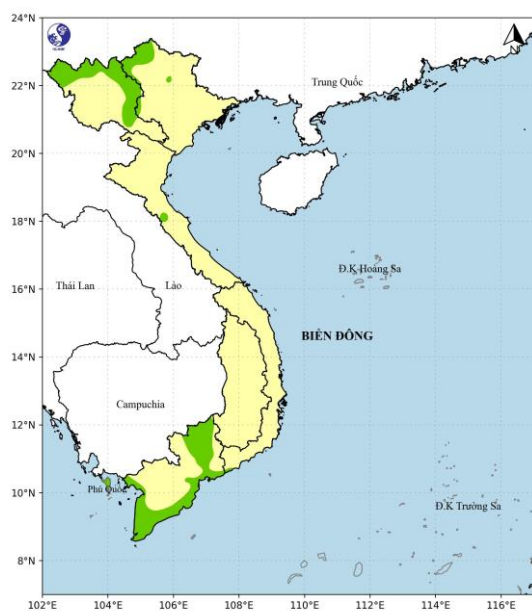
Từ tháng 8-10/2026, TLM trên cả nước phổ biến ở mức thấp hơn 5-15% so với TBNN, riêng một số nơi trung du vùng núi Bắc Bộ và Nam Bộ có TLM cao hơn 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ. Từ tháng 11/2026 đến 01/2027 TLM khu vực Bắc Bộ, Thanh Hóa đến Hà Tĩnh cao hơn 10-20% so với TBNN, riêng vùng núi Bắc Bộ có nơi cao hơn 30% so với TBNN cùng kỳ; khu vực từ Quảng Trị đến Đà Nẵng có TLM thấp hơn từ 10-25% so với TBNN; từ Quảng Ngãi đến Lâm Đồng và Nam Bộ có TLM thấp hơn từ 25-50% so với TBNN cùng kỳ, cụ thể dự báo lượng mưa tại các khu vực như sau:

- Khu vực Bắc Bộ: Tháng 8/2026, TLM trung du và miền núi phổ biến 250-350mm, có nơi trên 400mm; khu vực Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến 300-400mm, có nơi cao hơn. Tháng 9/2026 TLM phổ biến 100-200mm, có nơi trên 350mm. Tháng 10/2026 TLM phổ biến 70-170mm. Tháng 11/2026, TLM phổ biến từ 70-160mm. Tháng 12/2026 và tháng 01/2027, TLM phổ biến 20-50mm/tháng.

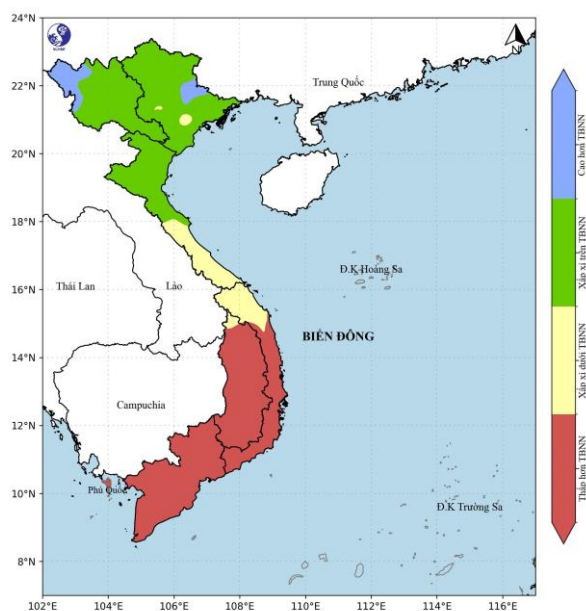
- Khu vực Trung Bộ: Tháng 8/2026, TLM tại khu vực Thanh Hóa đến Huế phổ biến từ 350-500mm, có nơi cao hơn; khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ phổ biến từ 80-150mm; khu vực Cao nguyên Trung Bộ phổ biến từ 250-350mm. Tháng 9/2026 TLM các tỉnh từ Thanh Hóa-Huế phổ biến từ 300-450mm; khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ phổ biến từ 150-300mm; khu vực Cao nguyên Trung Bộ phổ biến từ 250-350mm. Tháng 10/2026, TLM tại các tỉnh từ Thanh Hóa-Nghệ An phổ biến từ 150-300mm, có nơi cao hơn; từ Hà Tĩnh đến Đà Nẵng và phía Đông các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Đắk Lắk phổ biến 300-550mm, có nơi cao hơn; các khu vực còn lại phổ biến 130-230mm, có nơi cao hơn. Tháng 11/2026, TLM tại các tỉnh Thanh Hóa-Nghệ An phổ biến từ 100-200mm, có nơi cao hơn; khu vực từ Hà Tĩnh đến Đà Nẵng, phía Đông các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Đắk Lắk và Khánh Hòa phổ biến từ 250-500mm, có nơi trên 600mm; khu vực phía Đông của tỉnh Lâm Đồng và Cao nguyên Trung Bộ phổ biến từ 40-80mm, có nơi cao hơn. Tháng 12/2026, TLM tại Thanh Hóa-Bắc Nghệ An: 30-60mm, TLM từ Nam Nghệ An-Hà Tĩnh: 70-200 mm. TLM từ Quảng Trị-Huế :150-300mm. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ: 200-400mm, riêng phía Đông Lâm Đồng TLM: 15-40mm. Tháng 01/2027, TLM khu vực Thanh Hóa đến Hà Tĩnh phổ biến 20-60mm, có nơi cao hơn; riêng khu vực Quảng Trị đến Huế và phía Bắc các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ phổ biến 80-150mm; khu vực Cao nguyên Trung Bộ phổ biến từ 10-30mm.

- Khu vực Nam Bộ: Tháng 8/2026, TLM phổ biến từ 180-350mm, có nơi cao hơn. Tháng 9-10/2026 TLM phổ biến từ 200-350mm/tháng. Tháng 11/2026 TLM phổ biến từ 70-150mm, có nơi cao hơn 200-350mm. TLM tháng 12/2026

phổ biến từ 20-40mm. Tháng 01/2027 phổ biến ít mưa, TLM phổ biến dưới 10mm. Trong thời kỳ các tháng mùa khô đầu năm 2027, tại khu vực ít có khả năng xuất hiện mưa trái mùa.



(a)



(b)

Hình 4: (a) Dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) từ tháng 8-10/2026 và (b) Dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) từ tháng 11/2026-01/2027

Bảng 1: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từ tháng 8/2026-01/2027

Khu vực dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Từ tháng 8 đến tháng 10/2026		Từ tháng 11/2026 đến tháng 01/2027	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	24,0-25,0	300-500	18,0-19,0	60-120
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	27,0-28,0	600-800	19,5-20,5	150-250
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	25,0-26,0	300-500	16,5-17,5	130-250
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	27,5-28,5	500-700	19,5-20,5	80-160
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	27,0-28,0	600-800	19,5-20,5	100-200
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	27,0-28,0	500-700	20,0-21,0	100-200

Khu vực dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Từ tháng 8 đến tháng 10/2026		Từ tháng 11/2026 đến tháng 01/2027	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	27,5-28,5	1000-1300	21,0-22,0	200-350
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	27,0-28,0	1100-1400	23,0-24,0	600-800
Kon Tum–Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	700-900	23,5-24,5	40-80
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	28,5-29,5	700-900	25,5-26,5	700-900
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	28,0-29,0	400-600	26,0-27,0	700-900
Buôn Ma Thuột- Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	24.5-25.5	700-900	23,5-24,5	20-50
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	28.0-29.0	600-800	28,5-29,5	100-200
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	27.5-28.5	600-800	28,0-29,0	100-200

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %);
- Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới (Bảng 7-Phụ lục).

3. Dự báo xu thế khí hậu từ tháng 02 đến tháng 7/2027**3.1. Hiện tượng ENSO**

Hiện tượng El Niño được dự báo có khả năng tiếp tục duy trì đến các tháng mùa xuân và có thể kéo dài sang các tháng đầu mùa hè năm 2027. Sau đó, nhiều khả năng El Niño có xu hướng suy yếu dần trong các tháng tiếp theo của mùa hè năm 2027.

3.2. Xu thế các hiện tượng khí hậu cực đoan

Trong các tháng cuối mùa đông đến đầu mùa xuân năm 2027, không khí lạnh có khả năng hoạt động yếu hơn so với TBNN, số ngày rét đậm, rét hại tại các tỉnh miền Bắc có xu hướng thấp hơn TBNN cùng thời kỳ.

Số lượng bão/ATNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền có khả năng ở mức thấp hơn so với TBNN (TBNN trên Biển Đông: 3,6 cơn, đổ bộ vào đất liền: 1,2 cơn). Trong đó, từ tháng 02 đến tháng 5/2027, ít có khả năng

xuất hiện bão và ATNĐ trên khu vực Biển Đông. Từ khoảng nửa cuối tháng 5 sang tháng 6/2027, bão và ATNĐ có khả năng xuất trên Biển Đông và phù hợp với quy luật khí hậu.

Hiện tượng NN có khả năng xuất hiện sớm tại một số khu vực. Cụ thể, nắng nóng có thể bắt đầu xuất hiện tại khu vực Đông Nam Bộ từ khoảng tháng 02/2027, sau đó mở rộng và xảy ra diện rộng tại Nam Bộ trong tháng 3/2027. Tại khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ, nắng nóng có khả năng xuất hiện từ khoảng đầu tháng 4/2027. Trong các tháng đầu năm 2027, số ngày nắng nóng có khả năng cao hơn và cường độ nắng nóng có xu hướng gay gắt hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội:

Trong những tháng đầu năm 2027, đề phòng gió mạnh trên các vùng biển do tác động của không khí lạnh, sau đó là bão và ATNĐ, gió mùa Tây Nam từ khoảng nửa cuối tháng 5 trên khu vực Biển Đông. Ngoài ra, trên phạm vi toàn quốc đề phòng các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Rét đậm, rét hại, băng giá, sương muối trong thời kỳ đầu năm và đông, lốc, sét, mưa đá trong thời kỳ chuyển mùa từ mùa lạnh sang mùa nóng.

3.3. Xu thế nhiệt độ

Trên phạm vi toàn quốc, từ tháng 02-7/2027, NĐTB phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

3.4. Xu thế lượng mưa

Lượng mưa trên toàn quốc từ tháng 02-4/2027 phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN, từ tháng 5-7/2027 ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: Trước 17h00 ngày 15/01/2027.

Tin phát ngày: 17h00 ngày 15/7/2026./.

Soát tin: Trần Ngọc Vân

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Nguyễn Đức Hòa

PHỤ LỤC 1. CÁC GIÁ TRỊ LƯỢNG MƯA TỪ THÁNG 01-6/2026 ĐẠT VÀ VƯỢT GTLS

Bảng 1: Lượng mưa ngày (mm) đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ

Trạm/Tỉnh(TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 02	Ngày xuất hiện GTLS	Giá trị bằng hoặc vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Phù Yên (Sơn La)	72,4	19/02/2022	79,5	08/02/2026
Tam Đảo (Phú Thọ)	77,1	19/02/2022	81,4	08/02/2026
Đắk Tô (Quảng Ngãi)	30,5	23/02/2000	55	27/02/2026
Ayunpa (Gia Lai)	24,6	21/02/1998	56,7	27/02/2026
Lắc (Đắk Lắk)	21,5	18/02/1987	40,8	28/02/2026
Đắk Mil (Lâm Đồng)	37,8	17/02/2022	56,9	27/02/2026
Càng Long (Vĩnh Long)	18,5	03/02/2017	23,3	27/02/2026
Bạc Liêu (Cà Mau)	50,4	13/02/2016	111,7	27/02/2026
Trạm/Tỉnh(TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 3	Ngày xuất hiện GTLS	Giá trị bằng hoặc vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Hoài Đức (Tp. Hà Nội)	35,4	25/3/2017	44,5	30/3/2026
Thủ Dầu Một (Tp. Hồ Chí Minh)	42,6	31/3/2019	46	06/3/2026
Trạm/Tỉnh(TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 4	Ngày xuất hiện GTLS	Giá trị bằng hoặc vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Quảng Hà (Quảng Ninh)	178,7	09/4/1990	266	27/4/2026
Bãi Cháy (Quảng Ninh)	106,7	30/4/1983	111,7	23/4/2026
Tĩnh Gia (Thanh Hóa)	81,9	20/4/1991	129,9	18/4/2026
Trạm/Tỉnh(TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 5	Ngày xuất hiện GTLS	Giá trị bằng hoặc vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Sông Mã (Sơn La)	82	31/5/2000	96,4	10/5/2026
Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	116,8	10/5/2022	137,1	21/5/2026
Quảng Hà (Quảng Ninh)	305,9	28/5/2003	310,7	21/5/2026
Bãi Cháy (Quảng Ninh)	200,8	29/5/2003	240,8	17/5/2026
Sầm Sơn (Thanh Hóa)	102,2	15/5/2009	150,1	17/5/2026
Hương Sơn (Hà Tĩnh)	121,3	14/5/2011	158,4	08/5/2026

Nha Trang (Khánh Hòa)	83,1	19/05/1979	86,9	31/05/2026
Trạm/Tỉnh(TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 6	Ngày xuất hiện GTLS	Giá trị bằng hoặc vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Nguyên Bình (Cao Bằng)	131,5	05/6/1995	213,4	26/6/2026
Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	92,4	02/6/2025	104,1	26/6/2026
Liên Khương (Lâm Đồng)	102,3	13/6/2020	114,1	28/6/2026

Bảng 2. Tổng lượng mưa tháng đạt và vượt giá trị lịch sử cùng kỳ

Trạm/Tỉnh(TP)	TLM tháng 2 lịch sử	Thời gian xuất hiện GTLS	TLM tháng 02/2026
Bắc Quang (Tuyên Quang)	172	02/1973	174,6
Hương Sơn (Hà Tĩnh)	81,5	02/2022	85,8
Hương Khê (Hà Tĩnh)	100,2	02/2007	114
La Gi (Hàm Tân) (Lâm Đồng)	2,9	02/2012	3,8
Kon Tum (Quảng Ngãi)	55	02/1966	59,2
Ayunpa (Gia Lai)	29,9	02/1998	57,3
Lắc (Đắk Lắk)	24,5	02/1997	63,1
Đắk Mil (Lâm Đồng)	71,5	02/2022	75,2
Càng Long (Vĩnh Long)	31,5	02/1999	45,5
Bạc Liêu (Cà Mau)	50,4	02/2016	114,6
Trạm/Tỉnh(TP)	TLM tháng 3 lịch sử	Thời gian xuất hiện GTLS	TLM tháng 3/2026
Huế (Tp. Huế)	197,8	3/1999	207,6
Nam Đông (Tp. Huế)	258,5	3/2022	310
An Nhơn (Gia Lai)	38,2	3/2010	52
Trạm/Tỉnh(TP)	TLM tháng 4 lịch sử	Thời gian xuất hiện GTLS	TLM tháng 4/2026
Quảng Hà (Quảng Ninh)	355	4/1981	382,1
Tĩnh Gia (Thanh Hóa)	180,4	4/1997	181,5
Trạm/Tỉnh(TP)	TLM tháng 5 lịch sử	Thời gian xuất hiện GTLS	TLM tháng 5/2026
Bãi Cháy (Quảng Ninh)	427,4	5/2012	518,9
Sầm Sơn (Thanh Hóa)	269,1	5/2019	275,3
Hòn Ngư (Nghệ An)	222,1	5/2017	223,3
Trạm/Tỉnh(TP)	TLM tháng 6	Thời gian xuất hiện GTLS	TLM tháng

	lịch sử		6/2026
Nguyên Bình (Cao Bằng)	542,2	6/2008	545,1
Cát Tiên (Lâm Đồng)	520,3	6/2016	555,4

PHỤ LỤC 2. CÁC GIÁ TRỊ NHIỆT ĐỘ (°C) ĐẠT VÀ VƯỢT GTLS THÁNG TỪ THÁNG 01-6/2026

Bảng 1. Giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ

Trạm/Tỉnh(TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 3	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS trong tháng 3/2026	Ngày xuất hiện
Móng Cái (Quảng Ninh)	30,5	31/3/2014	31	02/3/2026
Hòn Dấu (Tp. Hải Phòng)	30,1	31/3/2018	31,4	31/3/2026
Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng)	30,2	24/3/2020	31,5	26/3/2026
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	37,6	23/3/2023	38	31/3/2026
Trạm/Tỉnh(TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS trong tháng 4/2026	Ngày xuất hiện
Hòn Dấu (Tp. Hải Phòng)	33,4	20/4/2013	34,2	12/4/2026
Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng)	33,0	30/4/2012; 26/4/2024	33,3	08/4/2026
Lắc (Đắk Lắk)	37,8	11/4/2016; 27/4/2024	38,5	18/4/2026
Liên Khương (Lâm Đồng)	33,5	10/4/1983	34,0	07/4/2026
Huyền Trân (Tp. Hồ Chí Minh)	34,0	22/4/2023	34,1	07/4/2026
Thỏ Chu (An Giang)	37,3	28/4/2024	50,4	30/4/2026
Trạm/Tỉnh(TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 5	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS trong tháng 5/2026	Ngày xuất hiện
Uông Bí (Quảng Ninh)	37,5	16/5/2013	38,0	25/5/2026
Hiệp Hòa (Bắc Ninh)	39,0	06/5/2003; 16/5/2013;	39,7	25/5/2026

		19/5/2019		
Bắc Giang (Bắc Ninh)	39,1	21/5/2020	39,4	25/5/2026
Bắc Ninh (Bắc Ninh)	40,5	21/5/2020	40,5	25/5/2026
Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng)	34,8	22/5/2025	35,5	27/5/2026
Hải Dương (Tp. Hải Phòng)	39,6	21/5/2020	39,8	26/5/2026
Thái Bình (Hưng Yên)	38,2	16/5/2013	38,5	26/5/2026
Phan Rang (Khánh Hòa)	38,3	26/5/2020; 19/5/2024	38,3	25/5/2026
Cát Tiên (Lâm Đồng)	38,0	15/5/2016; 03/5/2024	38,1	01/5/2026
Trạm/Tỉnh(TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 6	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS trong tháng 6/2026	Ngày xuất hiện
Vinh (Nghệ An)	40,6	23/6/2019	40,8	25/6/2026
Hà Tĩnh (Hà Tĩnh)	40,2	23/6/2019; 23/6/2020	40,3	25/6/2026
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	39,1	03/6/2016	40,0	25/6/2026
Đồng Hới (Quảng Trị)	40,2	24/6/2020	40,5	24/6/2026; 25/6/2026
Cồn Cỏ (Quảng Trị)	37,8	05/6/1983	38,4	25/6/2026
A Lưới (Tp. Huế)	36,5	14/6/2024	37,1	24/6/2026
Quảng Ngãi (Quảng Ngãi)	40,5	05/6/1983; 04/6/2021	40,5	07/6/2026
Tuy Hòa (Đắk Lắk)	40,0	03/6/2024	40,0	23/6/2026
Rạch Giá (An Giang)	34,7	04/6/2015	34,7	23/6/2026

Bảng 2. Giá trị nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ

Trạm/Tỉnh(TP)	Nhiệt độ thấp nhất ngày trong tháng 01	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS trong tháng 01/2026	Ngày xuất hiện
Quy Nhơn (Gia Lai)	16,0	13/01/2021	15,4	08/01/2026
Phan Rí (Lâm Đồng)	16,1	27/01/2015	15,3	09/01/2026
Đắk Mil (Lâm Đồng)	10,7	16/01/2015	10,7	09/01/2026

Cát Tiên (Lâm Đồng)	14,0	23/01/2014	14,0	09/01/2026
Trị An (Tp. Đồng Nai)	17,3	30/01/2023	16,0	09/01/2026
Biên Hòa (Tp. Đồng Nai)	17,4	29/01/2025	16,6	09/01/2026
Tà Lài (Tp. Đồng Nai)	14,4	13/01/2021	13,9	10/01/2026
Long Khánh (Tp. Đồng Nai)	14,3	19/01/2014	14,3	09/01/2026
Thủ Dầu Một (Tp. Hồ Chí Minh)	17,0	15/01/2015	16,5	10/01/2026
Nhà Bè (Tp. Hồ Chí Minh)	18,4	15/01/2015	17,8	09/01/2026
Vĩnh Long (Vĩnh Long)	18,9	13/01/2025	18,7	10/01/2026
Trà Nóc (Tp. Cần Thơ)	18,8	16/01/2015	18,6	10/01/2026
Trạm/Tỉnh(TP)	Nhiệt độ thấp nhất ngày trong tháng 4	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS trong tháng 4/2026	Ngày xuất hiện
Sơn Hoà (Đắk Lắk)	17,4	06/4/1978	16,7	03/4/2026
Phan Rang (Khánh Hòa)	20,8	16/4/2017	20,4	03/4/2026
Phan Rí (Lâm Đồng)	21,6	02/4/2019	20,2	03/4/2026
Vĩnh Long (Vĩnh Long)	23	02/4/2018	23	04/4/2026
Trạm/Tỉnh(TP)	Nhiệt độ thấp nhất ngày trong tháng 5	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS trong tháng 5/2026	Ngày xuất hiện
Hoàng Sa (Tp. Đà Nẵng)	22,5	25/5/2025	22,5	25/5/2026
Phan Rí (Lâm Đồng)	23,0	24/5/2019	22,9	26/5/2026

Bảng 3: Nhiệt độ trung bình tháng đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 3	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 3/2026 đạt và vượt GTLS
1	Hòa Bình (Phú Thọ)	24,5	2013	24,7
2	Việt Trì (Phú Thọ)	24,0	2013	24,1
3	Móng Cái (Quảng Ninh)	21,9	2013	22,4

4	Tiên Yên (Quảng Ninh)	22,1	2013	22,2
5	Cô Tô (Quảng Ninh)	21,6	1973	22,4
6	Cửa Ông (Quảng Ninh)	22,1	2020	22,6
7	Uông Bí (Quảng Ninh)	23,2	2013	23,3
8	Bắc Giang (Bắc Ninh)	23,3	2013	23,9
9	Bắc Ninh (Bắc Ninh)	23,5	2013	23,6
10	Phù Liễn (Tp. Hải Phòng)	22,2	2013	22,4
11	Hòn Dấu (Tp. Hải Phòng)	22,5	1987	23,5
12	Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng)	22,6	2020	23,1
13	Ba Vì (Tp. Hà Nội)	23,6	2013	23,6
14	Sơn Tây (Tp. Hà Nội)	23,7	2013	23,8
15	Láng (Tp. Hà Nội)	24,0	2013	24,1
16	Hoài Đức (Tp. Hà Nội)	23,7	2013	23,9
17	Hà Đông (Tp. Hà Nội)	23,7	2013	23,8
18	Hưng Yên (Hưng Yên)	23,2	2013	23,4
19	Nam Định (Ninh Bình)	23,1	2013	23,7
20	Văn Lý (Ninh Bình)	22,5	1987	22,9
21	Nho Quan (Ninh Bình)	23,3	2013	23,5
22	Ninh Bình (Ninh Bình)	22,9	2013	23,6
23	Thái Bình (Ninh Bình)	22,8	2013	23,1
24	Sầm Sơn (Thanh Hóa)	22,9	2013	23,4
25	Thanh Hóa (Thanh Hóa)	23,0	1987	23,4
STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 4/2026 vượt GTLS cùng thời kỳ
1	Hoàng Su Phì (Tuyên Quang)	25,3	2024	25,6
2	Bắc Mê (Tuyên Quang)	26,7	2024	27,0
3	Cao Bằng	26,2	2024	26,3
4	Cô Tô (Quảng Ninh)	25,4	2024	25,5
5	Bắc Giang (Bắc Ninh)	27,3	2024	27,4
6	Hòn Dấu (Tp. Hải Phòng)	26,4	2024	27,1
7	Văn Lý (Ninh Bình)	26,2	2024	26,4
STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 6/2026 đạt và

		tháng cao nhất trong tháng 6		vượt GTLS
1	Uông Bí (Quảng Ninh)	30,4	2020	30,4
2	Hòn Dấu (Tp. Hải Phòng)	30,8	2020	30,8
3	Thái Bình (Hưng Yên)	30,9	2019	30,9
4	Sầm Sơn (Thanh Hóa)	31,3	2019	31,5
5	Đông Hà (Quảng Trị)	31,9	2019	32,1
6	Khe Sanh (Quảng Trị)	28,1	2019	28,3
7	A Lưới (Tp. Huế)	27,1	2021	27,8
8	Song Tử Tây (Khánh Hòa)	30,1	2010	30,1
9	Trường Sa (Khánh Hòa)	30,1	2010	30,1
10	Kon Tum (Quảng Ngãi)	26,7	2024	26,7
11	Pleiku (Gia Lai)	24,8	2024	25,1
12	EaHleo (Đắk Lắk)	25,8	2024	26,0
13	Buôn Hồ (Đắk Lắk)	25,3	2024	25,4
14	EaKmat (Đắk Lắk)	26,2	2024	26,6
15	Lắk (Đắk Lắk)	26,8	1998	27,0
16	Đắk Nông (Lâm Đồng)	25,2	2010	25,2
17	Đà Lạt (Lâm Đồng)	20,5	2024	21,1
18	Liên Khương (Lâm Đồng)	23,4	2010	23,6
19	Bảo Lộc (Lâm Đồng)	24,2	2024	24,3
20	Đồng Phú (Đồng Xoài) (Tp. Đồng Nai)	28,4	2023	28,6
21	Trị An (Tp. Đồng Nai)	28,2	2024	28,2
22	Biên Hòa (Tp. Đồng Nai)	29,3	2024	29,3
23	Long Khánh (Xuân Lộc) (Tp. Đồng Nai)	27,5	2024	27,7
24	Thủ Dầu Một (Tp. Hồ Chí Minh)	28,7	2024	29,0
25	Nhà Bè (Tp. Hồ Chí Minh)	29,3	2024	29,5
26	Vũng Tàu (Tp. Hồ Chí Minh)	29,5	2024	29,7
27	DK1-7 (Huyện Trăn) (Tp. Hồ Chí Minh)	29,4	2014	29,4
28	Mộc Hóa (Tây Ninh)	28,8	2024	28,9
29	Mỹ Tho (Đồng Tháp)	28,9	2024	29,3

30	Cao Lãnh (Đồng Tháp)	29,2	2024	29,3
31	Càng Long (Vĩnh Long)	28,3	2024	28,7
32	Châu Đốc (An Giang)	28,9	2022	29,6
33	Cần Thơ (Tp. Cần Thơ)	29,2	2024	29,2
34	Sóc Trăng (Tp. Cần Thơ)	29,2	2024	29,2
35	Rạch Giá (An Giang)	29,7	2024	30,5
36	Bạc Liêu (Cà Mau)	29,2	2024	29,2